TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAI LẬY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 83/2022/HNGĐ-ST Ngày: 20-5-2022 V/v tranh chấp "Ly hôn, chia tài sản chung"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Thực;

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Huỳnh Văn Thanh;

- Bà Trần Thị Cúc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Luận - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 20 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 73/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2022 về tranh chấp "Ly hôn, chia tài sản chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1970; cư trú tại: Ấp BH, xã TB, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (Xin vắng mặt)

- *Bị đơn:* Anh Lê Đức V, sinh năm 1973; cư trú tại: Ấp BH, xã TB, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, nguyên đơn, chị Nguyễn Thị Kim L trình bày:

Chị và anh Lê Đức V tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có thời gian tìm hiểu khoảng 01 năm thì chị về chung sống với anh V, không có làm đám cưới vì hai bên đã từng có chồng, có vợ. Đến ngày 09-7-2018 thì đăng ký kết hôn tại xã TB, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Vợ chồng sống tại ấp BH, xã TB, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Thời gian đầu hai bên sống hạnh phúc, anh V có đi nhậu về mắng chửi chị nhưng chị bỏ qua. Đến khoảng tháng 01 năm 2021, anh V đi nhậu thường xuyên, chị không biết lý do vì sao cứ mỗi lần đi nhậu về anh

V đều mắng chửi chị. Ngoài ra, anh V còn cấm con riêng của chị về thăm chị. Khi chị đi làm công ty, trong thời gian dịch Covid-19 bùng phát, do thực hiện 03 tại chỗ nên chị ít về, nhưng mỗi lần được về thì anh V lại đuổi chị đi. Ngày 10-01-2022, anh V đánh chị, đuổi chị đi nên chị bỏ nhà đi từ đó đến nay, anh V còn yêu cầu chị dọn đồ ra khỏi nhà. Từ khi chị đi đến nay, anh V có gọi điện nói chị về ở nhưng chị thấy không thể chung sống với anh V được nữa, vợ chồng không thể hàn gắng được nên không về. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, tình trạng hôn nhân đã trầm trọng nên yêu cầu được ly hôn với anh V.

Về con chung: Chị và anh V không có con chung.

Về tài sản chung: Khi chị về sống với anh V, có sắm sửa đồ đạc thêm trong nhà nên yêu cầu anh V chia cho chị số tiền 10.000.000 đồng. Ngày 11-4-2022, chị có đơn xin rút lại yêu cầu khởi kiện về chia tài sản để chị và anh V tự thương lượng, chỉ yêu cầu giải quyết ly hôn.

Trong quá trình giải quyết vụ án, dù anh Lê Đức V đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, bản sao các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn giao nộp nhưng anh V không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị L, vắng mặt trong các phiên họp và tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Nguyễn Thị Kim L và anh Lê Đức V tranh chấp về ly hôn, chia tài sản chung; anh V cư trú tại ấp BH, xã TB, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết vụ án là của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy.

[2] Nguyên đơn, chị Nguyễn Thị Kim L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn, anh Lê Đức V không có đơn xin xét xử vắng mặt, đã được Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt anh V, chị L.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Kim L và anh Lê Đức V là hợp pháp vì có đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã TB, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 83, ngày 09-7-2018. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, chị L cho rằng anh V thường xuyên nhậu nhẹt về mắng chửi chị, cấm con riêng của chị về thăm chị, do anh V đuổi đi và nhận thấy không thể sống với anh V được nữa nên chị đã bỏ đi từ tháng 01-2022 đến nay. Mặc dù, nguyên nhân dẫn đến ly hôn do chị L nêu, nhưng anh V không có ý kiến gì phản đối là tự mình từ bỏ nghĩa vụ chứng minh. Hội đồng xét xử xét thấy chị L và anh V đã sống ly thân, cả hai không có biện pháp gì hàn gắng, không còn quan tâm đến nhau. Phía anh

V dù đã được Tòa án triệu tập đến giải quyết vụ án nhưng cũng không đến để hàn gắng tình cảm vợ chồng, điều đó đã cho thấy anh V không còn quan tâm đến hôn nhân với chị L. Tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *"Vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; cùng chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình"* và *"vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau"*. Qua đó, Hội đồng xét xử nhận thấy giữa chị L và anh V đã không còn tình nghĩa vợ chồng, tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không còn nên mục đích của hôn nhân không đạt được, vì vậy yêu cầu xin ly hôn của chị L là có căn cứ.

[4] Về con chung: Chị L khai không có, phía anh V không có ý kiến gì khác. Do đó, Hội đồng xét xử không xét đến.

[5] Về tài sản chung: Chị L có yêu cầu anh V phải chia cho chị số tiền 10.000.000 đồng. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án phía chị L đã tự nguyện rút lại yêu cầu khởi kiện về phần này nên Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết, nếu có tranh chấp đương sự có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim L là nguyên đơn khởi kiện vụ án hôn nhân gia đình nên phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Chị L rút lại yêu cầu chia tài sản chung nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí về phần này.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3 Diều 18, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim L. Cho chị Nguyễn Thị Kim L được ly hôn với anh Lê Đức V.

2. Về chia tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim L về việc yêu cầu anh Lê Đức V chia cho chị số tiền 10.000.000 đồng. Chị L được quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị Kim L phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được nhận lại 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án

phí về chia tài sản khi ly hôn. Số tiền án phí của chị L được trừ vào 600.000 (Sáu trăm nghìn) đồng đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001**1 ngày 24-02-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, nên chị L được nhận lại 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- UBND xã TB, huyện C, tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Nguyễn Anh Thực